

ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN LÊ CHÂU

**PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG,  
QUA THỰC TIỄN TẠI NGÂN HÀNG Ở QUẢNG TRỊ**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8.38.01.07

**TÓM TẮT LUẬT VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ**

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:  
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Như Chính**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn  
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

# MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn.....	3
7. Kết cấu của luận văn .....	4
<b>CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG VÀ PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG .....</b>	<b>6</b>
<b>1.1. lý luận về hợp đồng tín dụng ngân hàng.....</b>	<b>6</b>
1.1.1. Khái niệm hợp đồng tín dụng ngân hàng.....	6
1.1.2. Đặc điểm của hợp đồng tín dụng ngân hàng.....	6
1.1.3. Phân loại hợp đồng tín dụng ngân hàng.....	7
1.1.4. Trình tự, thủ tục giao kết hợp đồng tín dụng ngân hàng.....	7
<b>1.2. Lý luận pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng.....</b>	<b>8</b>
1.2.1. Khái niệm pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng .....	8
1.2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng.....	8
1.2.3. Vai trò của pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng .....	8
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG VÀ THỰC TIỄN TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ.....</b>	<b>9</b>
<b>2.1. Thực trạng pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng.....</b>	<b>9</b>
2.1.1. Quy định về chủ thể của hợp đồng tín dụng ngân hàng.....	9
2.1.2. Quy định về nội dung của hợp đồng tín dụng ngân hàng .....	10
2.1.3. Quy định về hình thức của hợp đồng tín dụng ngân hàng .....	12
2.1.4. Quy định về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng .....	12

<b>2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Quảng Trị.....</b>	<b>12</b>
2.2.1. Một số kết quả đạt được trong thực hiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Quảng Trị.....	12
2.2.2. Một số bất cập, hạn chế trong việc thực hiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Quảng Trị.....	14
<b>CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG .....</b>	<b>16</b>
<b>3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng ở Việt Nam.....</b>	<b>16</b>
<b>3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng ở Việt Nam.....</b>	<b>16</b>
<b>3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng ở Việt Nam.....</b>	<b>18</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>20</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>21</b>

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong các hoạt động ngân hàng thì cho vay là hoạt động truyền thống mang lại nguồn thu chủ yếu cho các ngân hàng nhưng cũng là hoạt động tiềm ẩn những rủi ro vô cùng lớn, thậm chí có thể gây sụp đổ hệ thống ngân hàng, tác động nghiêm trọng đến nền kinh tế đất nước. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế đang diễn ra sâu rộng ở Việt Nam thì nguy cơ rủi ro tín dụng càng cao. Hơn nữa, qua những cuộc khủng hoảng tín dụng ở Mỹ, một số nước ở Châu Âu, Nhật Bản... đã qua, là kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc nâng cao hơn nữa chất lượng tín dụng, kiểm soát rủi ro. Điều đó đã và đang đặt ra cho chúng ta phải tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện hơn nữa pháp luật về ngân hàng nói chung và pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng nói riêng.

Hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật về tài chính, ngân hàng nói riêng đã được Nhà nước ta quan tâm và không ngừng hoàn thiện tạo ra khung pháp lý quan trọng, tạo đà cho hoạt động cho vay của các ngân hàng phát triển. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được thì pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng cũng như thực tiễn thực hiện còn nhiều bất cập. Các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại thường đưa vào hợp đồng vay những thỏa thuận khung, tự ấn định phương pháp tính lãi suất, thu phí cho vay; đặt ra nhiều điều kiện giải ngân không phù hợp; tùy tiện ấn định giá trị tài sản bảo đảm khi xử lý thu hồi nợ,... Vì vậy, tôi lựa chọn đề tài: ***“Pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng, qua thực tiễn tại ngân hàng ở Quảng Trị”*** làm đề tài nghiên cứu luận văn thạc sĩ luật học

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

- ThS. Nguyễn Thị Kim Nhung, ThS. Phạm Thị Thu Hiền, ThS. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh (2017), *Một số vấn đề về rủi ro tín dụng của ngân hàng thương mại*, Tạp chí Tài chính 23/12/2017, Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên.

- Nguyễn Văn Phương (2016), *Pháp luật về cho vay của NHTM có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*”, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học quốc gia Hà Nội.

- Lò Đức Toàn (2020), *Pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng Tòa án và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Sơn La*, Luận văn thạc sĩ Luật, Trường Đại học Luật Hà Nội.

- PGS.TS Lê Thanh Tâm, Đoàn Minh Ngọc (2021) (Trường Đại học kinh tế Quốc dân), *Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam*, Tạp chí Ngân hàng 27/9/2021.

- Đào Văn Chung (2022), *Giải pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng của các NHTM Việt Nam trong bối cảnh COVID-19*, Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ số 10 tháng 5/2021.

Các công trình nghiên cứu trên đã góp phần tạo cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng và các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng ngân hàng.

## **3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu**

### *3.1. Mục đích nghiên cứu*

Đề tài nghiên cứu, pháp luật Việt Nam về hợp đồng tín dụng ngân hàng. Từ đó đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng.

### *3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

Nghiên cứu làm sáng tỏ các vấn đề lý luận cơ bản pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng cũng như thực trạng áp dụng tại Quảng Trị.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### *4.1. Đối tượng nghiên cứu*

Trên cơ sở mục đích nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu của đề tài là pháp luật Việt Nam về hợp đồng tín dụng ngân hàng.

##### *4.2. Phạm vi nghiên cứu*

Luận văn chủ yếu nghiên cứu các quy định pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng, tại Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Tổ chức tín dụng,... và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Về không gian, tác giả nghiên cứu về thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng ở tỉnh Quảng Trị,

Về thời gian: luận văn thực hiện trong khoảng thời 2018 - 2023.

#### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

##### *5.1. Phương pháp luận*

Luận văn sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về Nhà nước và pháp luật. Sử dụng các quan điểm của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, định hướng xã hội chủ nghĩa.

##### *5.1. Phương pháp nghiên cứu*

Bên cạnh đó, việc nghiên cứu đề tài luận văn cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu của các khoa học chuyên ngành như: phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, ... để làm sáng tỏ những vấn đề cần nghiên cứu.

#### **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

##### *6.1. Ý nghĩa lý luận*

Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần bổ sung, hoàn thiện những vấn đề lý luận về hợp đồng tín dụng ngân hàng cũng như pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng. Qua đó, góp phần phát triển, hoàn thiện những lý luận về luật học nói chung và về quản lý nhà nước đối với hợp đồng tín dụng ngân hàng.

### *6.2. Ý nghĩa thực tiễn*

- Luận văn là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà nghiên cứu và giảng dạy khoa học pháp lý, cũng như các nhà hoạt động thực tiễn

- Các giải pháp mà luận văn đề xuất góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật về đối tượng trong hợp đồng nhượng quyền thương mại, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay

- Kết quả của luận văn là tài liệu tham khảo giúp cho các công có thêm định hướng trong hoạt động nhượng quyền thương mại ở Việt Nam hiện nay.

### *6.2. Ý nghĩa thực tiễn*

- Luận văn là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà nghiên cứu và giảng dạy khoa học pháp lý, cũng như các nhà hoạt động thực tiễn,

- Các giải pháp mà luận văn đề xuất góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng, đặc biệt trong bối cảnh tái thiết hậu đại dịch covid – 19 hiện nay.

- Kết quả của luận văn là tài liệu tham khảo giúp cho các ngân hàng có thêm định hướng trong hoạt động ký kết hợp đồng tín dụng ngân hàng

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài Phần mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn có kết cấu gồm ba Chương như sau:



- Chương 1: Một số vấn đề lý luận về hợp đồng tín dụng ngân hàng và pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng.
- Chương 2: Thực trạng pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Quảng Trị.
- Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng.

## CHƯƠNG 1

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG VÀ PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

### 1.1. lý luận về hợp đồng tín dụng ngân hàng

#### 1.1.1. *Khái niệm hợp đồng tín dụng ngân hàng*

Trong các tài liệu giảng dạy về ngân hàng, về tín dụng và đặc biệt là về luật ngân hàng, bản chất kể trên của hợp đồng tín dụng đều được thể hiện dưới những cách diễn đạt khác nhau. Giáo trình Luật ngân hàng của Trường Đại học Luật Hà Nội định nghĩa “Hợp đồng tín dụng là thỏa thuận bằng văn bản giữa tổ chức tín dụng (bên cho vay) với khách hàng là tổ chức, cá nhân (bên vay) theo đó tổ chức tín dụng thỏa thuận ứng trước một số tiền cho khách hàng sử dụng trong thời gian nhất định với điều kiện có hoàn trả gốc và lãi, dựa trên sự tín nhiệm”. Giáo trình Luật ngân hàng của các cơ sở đào tạo khác cũng có những định nghĩa tương tự về hợp đồng tín dụng và bản chất của nó.

Có thể hiểu “*Hợp đồng tín dụng ngân hàng là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa ngân hàng (bên cho vay) với tổ chức, cá nhân có đủ những điều kiện luật định (bên vay), theo đó ngân hàng chuyển giao một số tiền cho bên vay sử dụng vào mục đích và trong một thời hạn được xác định, khi đến hạn, bên vay phải trả cả gốc và lãi được xác định theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận*”.

#### 1.1.2. *Đặc điểm của hợp đồng tín dụng ngân hàng*

(i) *Về chủ thể.* Một bên chủ thể của HĐTD bắt buộc là TCTD được thành lập và hoạt động cho vay theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung vào năm 2017 và các văn bản liên quan.

(ii) *Về đối tượng.* HĐTD có đối tượng là những khoản vốn được thể hiện dưới hình thức tiền tệ. Vốn tiền tệ trong HĐTD có thể là tiền đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ.

(iii) *Về hình thức.* Hợp đồng tín dụng được ký kết dưới hình thức văn bản.

(iv) *Về nội dung.* HĐTD ngân hàng phải được tuân thủ chặt chẽ về các nội dung bắt buộc, năng lực chủ thể của các bên tham gia quan hệ tín dụng, mục đích sử dụng vốn vay, giới hạn vốn vay, lãi suất vay và bảo đảm thực hiện hợp đồng, phương pháp giải quyết tranh chấp.

(v) *Về thời hạn và tranh chấp.* Thời hạn thực hiện HĐTD ngân hàng thường trung và dài hạn, nhiều rủi ro, dễ phát sinh tranh chấp.

### ***1.1.3. Phân loại hợp đồng tín dụng ngân hàng***

(i) Căn cứ vào thời hạn sử dụng vốn: HĐTD ngắn hạn; HĐTD trung và dài hạn;

(ii) Căn cứ vào tính chất có bảo đảm của khoản vay: HĐTD có bảo đảm bằng tài sản; HĐTD không có bảo đảm bằng tài sản

(iii) Căn cứ vào mục đích sử dụng vốn: HĐTD có mục đích kinh doanh; HĐTD tiêu dùng

(iv) Căn cứ vào phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Cho vay theo dự án đầu tư; Cho vay hợp vốn; Cho vay trả góp; Cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng; Cho vay theo hạn mức thấu chi

### ***1.1.4. Trình tự, thủ tục giao kết hợp đồng tín dụng ngân hàng***

Quy trình ký kết, thực hiện HĐTD gồm nhiều công đoạn khác nhau, bắt đầu từ lúc tiếp nhận hồ sơ vay vốn cho đến khi bên cho vay thu hồi hết nợ. Quy trình này như sau: lập hồ sơ đề nghị ký kết HĐTD

(hồ sơ tín dụng); xét duyệt cho vay; ký kết HĐTD, hợp đồng bảo đảm; thực hiện HĐTD (giải ngân, kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay, thu hồi nợ).

## **1.2. Lý luận pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng**

### **1.2.1. Khái niệm pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng**

Pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng là tổng hợp các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình các ngân hàng chuyển giao số tiền cho bên vay sử dụng vào mục đích, thời hạn, lãi suất và các điều kiện khác theo thỏa thuận.

### **1.2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng**

*Thứ nhất*, quy định về chủ thể của hợp đồng tín dụng ngân hàng

*Thứ hai*, quy định về nội dung của hợp đồng tín dụng ngân hàng

*Thứ ba*, quy định về hình thức của hợp đồng tín dụng ngân hàng

*Thứ tư*, quy định về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng

### **1.2.3. Vai trò của pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng**

*Thứ nhất*, pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng hướng đến mục tiêu phục vụ doanh nghiệp và cộng đồng.

*Thứ hai*, pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn cho các tổ chức tín dụng nói chung khi cho vay.

*Thứ ba*, pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng có vai trò tạo cơ chế xử lý tranh chấp tín dụng nhanh chóng, hiệu quả.

## CHƯƠNG 2

# THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG VÀ THỰC TIỄN TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ

### 2.1. Thực trạng pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng

#### 2.1.1. Quy định về chủ thể của hợp đồng tín dụng ngân hàng

##### 2.1.1.1. Bên cho vay

Bên cho vay trong hợp đồng tín dụng ngân hàng chính là các ngân hàng, bao gồm ngân hàng thương mại và ngân hàng hợp tác. Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn, tác giả nghiên cứu chủ yếu hợp đồng tín dụng của ngân hàng thương mại, không nghiên cứu loại hình ngân hàng hợp tác xã.

Căn cứ quy định tại Điều 20 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung 2017, ngân hàng thương mại được cấp Giấy phép khi có đủ các điều kiện:

(i) Thứ nhất, có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định (Điều 2 Nghị định 86/2019/NĐ-CP, mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại là 3.000 tỷ đồng)

(ii) Thứ hai, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập là pháp nhân đang hoạt động hợp pháp và có đủ năng lực tài chính để tham gia góp vốn; cổ đông sáng lập là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có đủ khả năng tài chính để góp vốn.

(iii) Thứ ba, người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định

(iv) Thứ tư, có điều lệ phù hợp với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

(v) Thứ năm, có đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng; không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.

#### *2.1.1.2. Bên vay*

Bên vay vốn có thể là các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài đáp ứng đủ các điều kiện về cho vay của tổ chức tín dụng. Đồng thời, theo quy định tại Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015, chủ thể tham gia quan hệ dân sự chỉ bao gồm pháp nhân và cá nhân. Do đó, Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã quy định để phù hợp với BLDS năm 2015 về khách hàng vay vốn tại tổ chức tín dụng là pháp nhân, cá nhân, bao gồm: Pháp nhân được thành lập và hoạt động tại Việt Nam, pháp nhân được thành lập ở nước ngoài và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam; cá nhân có quốc tịch Việt Nam, cá nhân có quốc tịch nước ngoài.

#### ***2.1.2. Quy định về nội dung của hợp đồng tín dụng ngân hàng***

*2.1.2.1. Quyền và nghĩa vụ các bên trong hợp đồng tín dụng ngân hàng*

*(i) Quyền và nghĩa vụ của bên cho vay*

- + Quyền yêu cầu bên vay cung cấp thông tin
- + Quyền yêu cầu bên vay hoàn trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn.
- + Quyền gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ
- + Quyền thay đổi biện pháp bảo đảm tiền vay
- + Quyền được bán nợ, chuyển nhượng HĐTD mà không cần sự đồng ý của bên vay

+ Nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của bên vay

+ Nghĩa vụ chấp hành quy định về giải ngân, không được tự ý chấm dứt cho vay trong trường hợp bên vay không có sai phạm

+ Nghĩa vụ cung cấp thông tin theo yêu cầu của bên vay (các thông tin về lãi suất, số dư nợ gốc, nợ lãi, phí tín dụng...)

*(ii) Quyền và nghĩa vụ của bên vay*

+ Quyền được tiếp cận vốn tín dụng.

+ Quyền được khiếu nại, khởi kiện khi bên cho vay vi phạm

#### HĐTD

+ Nghĩa vụ sử dụng tiền vay hiệu quả và đúng mục đích

+ Nghĩa vụ tuân thủ sự kiểm tra, giám sát của bên cho vay

+ Quyền yêu cầu ngân hàng giải ngân theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng

+ Nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi đúng hạn

*2.1.2.2. Một số điều khoản cơ bản trong hợp đồng tín dụng ngân hàng*

(i) Thông tin các bên tham gia hợp đồng tín dụng ngân hàng

(ii) Điều khoản về phương thức vay.

(iii) Điều khoản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay

(iii) Điều khoản về mục đích sử dụng vốn vay

(iv) Điều khoản về kỳ hạn trả nợ và chuyển nợ quá hạn

(v) Điều khoản giải ngân vốn cho vay và sử dụng phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay

(vi) Điều khoản về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

### ***2.1.3. Quy định về hình thức của hợp đồng tín dụng ngân hàng***

Việc thỏa thuận cho vay của các bên trong hợp đồng tín dụng phải được lập thành văn bản, đây là một quy định bắt buộc nhằm đảm bảo tính chặt chẽ, rõ ràng trong thỏa thuận của các bên về quyền và nghĩa vụ, hạn chế các rủi ro có thể xảy ra, là cơ sở pháp lý quan trọng để giải quyết tranh chấp nếu có.

### ***2.1.4. Quy định về giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng***

Giống như các phương thức giải quyết tranh chấp khác, pháp luật hiện hành công nhận các phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng ngân hàng cụ thể như: thương lượng, hòa giải, trọng tài và tòa án.

## **2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Quảng Trị**

### ***2.2.1. Một số kết quả đạt được trong thực hiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Quảng Trị***

*(i) Một số nét về điều kiện kinh tế, xã hội tỉnh Quảng Trị.*

Quảng Trị là một tỉnh nghèo của Việt Nam, có vai trò đặc biệt trong dòng lịch sử của Việt Nam. Từ năm 1990, có sự thay đổi về địa giới và tên gọi một số huyện, thị xã như sau: chia lại huyện Bến Hải thành 2 huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh; chia lại huyện Triệu Hải 2 huyện: Hải Lăng, Triệu Phong và thị xã Quảng Trị. Ngày 19 tháng 10 năm 1991, tái lập huyện Cam Lộ từ một số xã của thị xã Đông Hà. Ngày 17 tháng 12 năm 1996, huyện Đakrông được thành lập trên cơ sở tách 10 xã thuộc huyện Hướng Hóa và 3 xã thuộc huyện Triệu Phong. Ngày 1 tháng 10 năm 2004, thành lập huyện đảo Cồn Cỏ trên



cơ sở đảo Côn Cỏ thuộc xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Linh. Ngày 11 tháng 8 năm 2009, chuyển thị xã Đông Hà thành thành phố Đông Hà.

Trong những năm qua, nền kinh tế tỉnh Quảng Trị có xu hướng phát triển và tăng trưởng rõ rệt. Tỷ lệ tăng trưởng GRDP trung bình năm trong giai đoạn 2015 - 2019 đạt trên 7,12%, riêng năm 2016 tỷ lệ tăng trưởng giảm (đạt 6,39%). Tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2022 ước tính tăng 7,17% so với năm trước, cao hơn mức tăng 6,61% của năm 2021. Quy mô nền kinh tế năm 2022 ước tính đạt 40.822,51 tỉ đồng, GRDP bình quân đầu người ước đạt 62,83 triệu đồng, tăng 11,18% so với năm 2021.

*(ii) Đối với thực hiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*

Tính đến cuối năm 2022, tổng dư nợ cho vay trên địa bàn tỉnh đạt gần 51.000 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ; tín dụng nông nghiệp nông thôn đạt dư nợ 11.097 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 21,9%/tổng dư nợ; tín dụng chính sách xã hội đạt dư nợ 3.882 tỷ đồng, tăng 15,23% so cuối năm 2021.

Hệ thống tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, hiệu quả, các tổ chức tín dụng đã đẩy mạnh xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng, chất lượng tài sản, ngăn ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu phát sinh, đến cuối năm 2022 nợ xấu chiếm tỷ trọng 0,5%/tổng dư nợ. NHNN chi nhánh tỉnh Quảng Trị đã triển khai thực hiện đầy đủ các chính sách của Trung ương về ưu đãi tín dụng, chương trình phục hồi kinh tế. Các ngân hàng thương mại hoạt động trên địa bàn tỉnh đã giảm lãi suất, tạo điều kiện cho doanh nghiệp được vay vốn... Bên cạnh đó, hệ thống Ngân hàng trên địa bàn tỉnh đã thực hiện nhiều giải pháp hỗ trợ người

dân và doanh nghiệp do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 như: cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ lũy kế cho hơn 1.400 khách hàng, miễn giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ lũy kế cho hơn 1.600 khách hàng, hạ lãi suất dư nợ hiện hữu cho hơn 36.000 khách hàng; hỗ trợ khách hàng phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh với doanh số cho vay hơn 22.600 tỷ đồng. Thực hiện chương trình cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc với người lao động do dịch Covid-19 tại Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh cho 8 doanh nghiệp với hơn 680 lượt lao động...

### ***2.2.2. Một số bất cập, hạn chế trong việc thực hiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng tại Quảng Trị***

Mặc dù đạt được một số kết quả như trên, nhưng trong bối cảnh vừa vượt qua đại dịch Covid – 19 đã tác động tới khả năng trả nợ của khách hàng trong hợp đồng tín dụng ngân hàng.

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Quảng Trị, tính đến hết năm 2022, tổng dư nợ cho vay của các ngân hàng trên địa bàn là 35.213 tỉ đồng, trong đó, dư nợ trung dài hạn là 19.489 tỉ đồng.

Trong năm 2022, dư nợ xấu là 51504 tỉ đồng, trong quý I năm 2023, dư nợ xấu tăng lên 996.66 tỉ đồng. Trong đó, Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển có dư nợ xấu lên đến 221.11 tỉ đồng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có dư nợ xấu 453.49 tỉ đồng. Báo cáo của UBND tỉnh Quảng Trị về tình hình thực hiện đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2020-2025” cũng thể hiện tình hình nợ xấu gia tăng.

Nợ xấu chủ yếu tập trung tại các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực thi công, xây lắp công trình, kinh doanh xăng dầu, mua bán

vật liệu xây dựng, một số khách hàng vay vốn đóng tàu theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP...

Đặc biệt, đối với nợ xấu của các khoản cho vay theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP về phát triển thủy sản có xu hướng tăng lên; một phần do khó khăn trong quá trình đánh bắt xa bờ, phần do khách hàng chậm trả nợ. Một số ngư dân vay vốn đóng tàu đánh bắt xa bờ theo Nghị định 67 đã bị ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị khởi kiện để xử lý nợ.

## CHƯƠNG 3

# ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG

### **3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng ở Việt Nam**

*3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng phải đặt trong mối quan hệ với với Bộ luật dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành*

*3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng để đáp ứng sự phát triển của ngân hàng thương mại*

*3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng phải bảo vệ tối ưu quyền lợi bên vay*

*3.1.4. Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng phải đáp ứng được yêu cầu hội nhập.*

### **3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng ở Việt Nam**

*3.2.1. Hoàn thiện quy định về lãi suất trong hợp đồng tín dụng ngân hàng*

Luật các TCTD nên được sửa đổi theo hướng bỏ cụm từ “theo quy định của pháp luật” để làm căn cứ cho việc áp dụng pháp luật chuyên ngành là cho phép NHTM và khách hàng tự do thỏa thuận lãi suất. Bởi lẽ, việc công nhận tự do thỏa thuận lãi suất là phù hợp với thực tiễn thị trường quốc tế và phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường của nước ta hiện nay.

### ***3.2.2. Hoàn thiện quy định về nợ quá hạn***

Nếu áp dụng căn cứ xác định nợ quá hạn theo quy định tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN thì NHNN phải có văn bản hướng dẫn cụ thể, hoặc sửa đổi quy định tại Thông tư 02/2014/TT-NHNN để thống nhất cách hiểu và áp dụng pháp luật.

### ***3.2.3. Hoàn thiện các quy định về kiểm tra mục đích sử dụng tiền vay của khách hàng.***

Xét dưới góc độ tầm quan trọng của hoạt động kiểm tra, giám sát của NHTM trong việc đảm bảo an toàn tín dụng, trường hợp NHNN muốn gán trách nhiệm cho các NHTM để đảm bảo NHTM thực hiện nghiêm chỉnh việc kiểm tra, giám sát thì nên có một quy định riêng, cụ thể và rõ ràng hơn về việc NHTM sẽ phải chịu trách nhiệm trước NHNN và cơ quan có thẩm quyền khác.

### ***3.2.4. Hoàn thiện các quy định về hợp đồng tín dụng cho vay hợp vốn.***

Theo các quy định của pháp luật hiện hành thì hai hợp đồng này mang tính độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau vì các nội dung thỏa thuận hợp vốn không ràng buộc với bên vay. Do đó, vai trò của TCTD làm đầu mối, với tư cách là người ký hợp đồng cấp tín dụng hợp vốn đối với khách hàng phải chịu trách nhiệm khi có rủi ro xảy ra hoặc ngược lại. khi một bên hợp đồng là chủ thể gồm nhiều pháp nhân thì vai trò và trách nhiệm với bên vay như thế nào, nếu không được thể hiện rõ sẽ không bảo đảm các nguyên tắc chung của quan hệ HĐCV như đã đề ra. Pháp luật ghi nhận TCTD đầu mối được hưởng lợi ích từ phí tín dụng, các khoản lợi ích tương ứng với tỷ lệ góp vốn tín dụng. Xác định, làm rõ mối quan hệ pháp lý của hai dạng hợp đồng này theo

định hướng nêu trên sẽ làm ràng buộc trách nhiệm của các bên, bảo đảm lợi ích của từng thành viên tham gia cấp tín dụng.

### ***3.2.5. Hoàn thiện quy định về thỏa thuận phạt vi phạm trong hợp đồng tín dụng ngân hàng.***

Pháp luật ngân hàng cần quy định nguyên tắc: Thỏa thuận phạt vi phạm hợp đồng vay đối với bên vay không được trái với quy định của pháp luật, đồng thời đề ra các biện pháp xử phạt hành chính phù hợp (việc áp dụng biện pháp chế tài hành chính này nhằm hạn chế TCTD ban hành mẫu hợp đồng vay thiếu bình đẳng). Đối với các TCTD, thỏa thuận phạt vi phạm đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ giải ngân, thu hồi tiền vay không có căn cứ, theo tác giả thỏa thuận này không được vượt quá mức phạt tương ứng đối với lãi suất cho vay mà TCTD được hưởng lợi là phù hợp.

## **3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp đồng tín dụng ngân hàng ở Việt Nam**

### ***3.3.1. Nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng của ngân hàng***

Thẩm định tín dụng là một quy định quan trọng để NHTM đưa ra quyết định cho vay hoặc không cho vay để hạn chế rủi ro tín dụng. Pháp luật hiện hành quy định về việc NHTM ban hành quy định nội bộ về quy trình thẩm định tín dụng và có những biện pháp giám sát, quản lý chặt chẽ để nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng. Có thể nói, thông qua quy trình thẩm định tín dụng NHTM sẽ chọn lọc được khách hàng phù hợp để cùng thực hiện giao dịch tín dụng, cùng tham gia giao kết và thực hiện HĐTD. Chính vì lý do đó, bên cạnh việc tiếp tục hoàn thiện quy trình thẩm định tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật và học hỏi kinh nghiệm từ thị trường quốc tế thì để nâng cao

chất lượng thẩm định tín dụng các NHTM phải nâng cao chất lượng cán bộ tín dụng và tăng cường, phát huy hiệu quả trong việc kiểm tra, giám sát quy trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng.

### ***3.3.2. Nâng cao chất lượng cán bộ ngân hàng thương mại***

Trong giao dịch tín dụng vai trò của con người mà cụ thể là cán bộ tín dụng NHTM là vô cùng quan trọng. Vì vậy, cần chú trọng nâng cao chất lượng cán bộ tín dụng NHTM cả về mặt đạo đức nghề nghiệp cũng như trình độ, kỹ năng nghề nghiệp sẽ tạo một đội ngũ nhân lực có chất lượng cao để có thể xử lý và giải quyết các giao dịch tín dụng phát sinh.

### ***3.3.3. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại***

Theo đó, các NHTM cần liên tục hoàn thiện quy định nội bộ về kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng. Một quy trình kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ và chi tiết giúp NHTM nắm rõ được những vấn đề phát sinh trong quá trình cho vay để có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế phát sinh nợ xấu. Kiện toàn cơ cấu tổ chức, hoạt động của Thanh tra, giám sát NHTM, nâng cao chất lượng chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp của thanh tra viên NHTM, cộng tác viên thanh tra NHTM. Đồng thời không ngừng học hỏi kinh nghiệm quốc tế, tăng cường hợp tác quốc tế để hoàn thiện pháp luật về thanh tra, giám sát NHTM và tăng cường hiệu quả trong quá trình thanh tra, giám sát NHTM.

## KẾT LUẬN

HĐTD là một chế định pháp lý tương đối phức tạp, chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau của các lĩnh vực như pháp luật dân sự, pháp luật kinh doanh thương mại, pháp luật tài chính ngân hàng,... Mặc dù hệ thống pháp luật Việt Nam, trong đó có các quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng nói chung và NHTM nói riêng đã hệ thống, tạo ra hành lang pháp lý rõ ràng và thuận lợi, quy định cụ thể về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng nói chung và NHTM nói riêng.

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm thành công đã đạt được, cần phải nhận định đúng thực tế, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về HĐTD ngân hàng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Đứng trước thời kỳ hội nhập quốc tế đòi các quy định về HĐTD ngân hàng của Việt Nam không chỉ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và hệ thống pháp luật Việt Nam, mà còn đồng thời phải phù hợp với hệ thống pháp luật quốc tế và thông lệ thị trường quốc tế.

Qua nghiên cứu đề tài này, tác giả mạnh dạn đề xuất một số giải pháp để góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật Việt Nam về HĐTD ngân hàng, cũng như nâng cao hiệu quả thực thi các quy định này trên thực tế. Các biện pháp hoàn thiện pháp luật về HĐTD tại ngân hàng ở Việt Nam để có thể đạt được hiệu quả cao, kết quả tốt... cần được thực hiện một cách nghiêm túc, đồng bộ và toàn diện cùng với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam. Từ đó tạo ra một môi trường pháp lý hoàn thiện và tiên bộ, có khả năng tiên đoán và dự liệu sẽ thu hút đầu tư và tạo tiền đề vững chắc cho công cuộc phát triển kinh tế đất nước./.



## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### A. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Bộ luật dân sự 2015
2. Bộ luật tố tụng dân sự 2015
3. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015
4. Luật các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi bổ sung 2017
5. Luật doanh nghiệp 2020
6. Luật thương mại 2005
7. Luật trọng tài thương mại 2010
8. Nghị định 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về Hòa giải thương mại
9. Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm
10. Thông tư 21/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017 của Thống đốc NHNN quy định về phương thức giải ngân vốn cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng
11. Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng
12. Thông tư số 33/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Thống đốc NHNN quy định một số trường hợp được thanh toán bằng tiền mặt của các tổ chức sử dụng vốn nhà nước

### B. Công trình nghiên cứu, luận văn, bài báo khoa học

13. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2015), Giáo trình Luật Ngân hàng, Nxb. Hồng Đức, tr. 209

14. Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), Giáo trình luật ngân hàng Việt Nam, Nxb. Công an nhân dân, tr. 158

15. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, NXB Tư Pháp, Hà Nội, 2019

16. Nhà pháp luật Việt Pháp (1998), BLDS của nước Cộng hòa Pháp, Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 486

17. Đỗ Thị Hồng Hạnh (2017), Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng ngân hàng thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Hà Nội

18. Hồ Thị Khuyên (2016), “Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

19. Nguyễn Thị Kim Nhung, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Thúy Quỳnh (2017), Một số vấn đề về rủi ro tín dụng của ngân hàng thương mại, Tạp chí Tài chính 23/12/2017, Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên.

20. Nguyễn Văn Phương (2016), Pháp luật về cho vay của NHTM có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam”, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học quốc gia Hà Nội.

21. Phạm Văn Tuyết, Lê Kim Giang (2012), Hợp đồng tín dụng và biện pháp bảo đảm tiền vay, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

22. Lê Thanh Tâm, Đoàn Minh Ngọc (2021) (Trường Đại học kinh tế Quốc dân), Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam, Tạp chí Ngân hàng 27/9/2021.

23. Tòa án nhân dân tối cao (2016), Tài liệu Hội nghị triển khai công tác năm 2016 của Tòa án nhân dân, Hà Nội, tr. 24, 25

24. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Quảng Trị (2023), Báo cáo quý I/2023, Quảng Trị

### **C. Tài liệu trên mạng Internet**

25. <https://laodong.vn/kinh-te/ong-tram-be-bi-tuyen-4-nam-tu-trong-vu-an-pham-cong-danh-giai-doan-2-623451.ldo>

26. <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinhthanhchitiet.aspx?idTinThanh=33> truy cập 16/03/2023

27. <https://www.quangtri.gov.vn/chi-tiet-tin/-/view-article/1/1606726489402/1606727471623> truy cập 16/03/2023

28. <https://www.quangtri.gov.vn/chi-tiet-tin/-/view-article/1/14012495793617/1672331438278> truy cập 16/03/2022

29. <https://www.quangtri.gov.vn/chi-tiet-tin/-/view-article/1/13848241113627/1642157662874> truy cập 16/03/2023

30. <https://baoquangtri.vn/van-de-binh-luan/tra-no-tau-67-nhung-van-de-dat-ra/142266.htm> truy cập 17/03/2023

31. [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/1/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM260940](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/1/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM260940) truy cập 15/03/2023

32. <https://www.thesaigontimes.vn/162201/Kiem-tra-viec-su-dung-von-vay-nen-la-quyen-cua-TCTD.html> truy cập 20/03/2023



